

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

Xét Báo cáo số 246/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 315/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018

Năm 2018, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, nhưng với phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả” và tinh thần vượt khó, chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt của Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, cùng với sự vào cuộc mạnh mẽ của toàn hệ thống chính trị, sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực, kết quả đạt được khá toàn diện trên các mặt, hoàn thành 20/22 chỉ tiêu theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, trong đó có 10 chỉ tiêu vượt, 10 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 02 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (chi ngân sách đạt 95%, tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 75%). Sản xuất nông nghiệp đã vượt qua khó khăn và duy trì sự phát triển; sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá. Thu ngân sách đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chi thường xuyên đồng thời bổ sung vốn đầu tư phát triển để thực hiện các công trình trọng điểm. Thu hút đầu tư và doanh nghiệp đang trên đà phát triển cả về số lượng và quy mô. Các lĩnh vực văn hóa, xã

hội, môi trường, quốc phòng - an ninh nhìn chung đảm bảo thực hiện đúng định hướng mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số khó khăn, hạn chế như: giá các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh giảm so với cùng kỳ năm trước; tiến độ thi công một số công trình trọng điểm chậm như: đường Đông Phú - Bình Dương, đường ĐT 741, các dự án trung tâm thương mại; hạ tầng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; các doanh nghiệp còn khó khăn, nhất là doanh nghiệp chế biến điều; môi trường đầu tư kinh doanh tuy có cải thiện, nhưng chưa thật sự thông thoáng, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, tiếp cận đất đai, khoáng sản còn rườm rà, phức tạp; tình trạng những nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công vẫn còn xảy ra; công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế, ô nhiễm môi trường chưa được xử lý triệt để; khiếu kiện vượt cấp, đông người về lĩnh vực đất đai còn diễn biến phức tạp; biên chế giáo viên mầm non còn thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế; tình trạng nợ chuẩn của một số trường đạt chuẩn quốc gia vẫn còn diễn ra và chưa được khắc phục; các hoạt động y tế triển khai còn chậm, chưa đẩy mạnh việc chuyển giao các kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh; tình hình dịch bệnh sốt rét, sốt xuất huyết gia tăng; công tác giảm nghèo còn gặp vướng mắc trong việc triển khai thực hiện, nhất là công tác rà soát, đánh giá của một số tiêu chí hộ nghèo chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng phát triển chưa mạnh mẽ, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng còn chênh lệch.

2. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

a) Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, nhất là tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch và bình đẳng; phát huy đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội gắn với thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và trên tuyến biên giới. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019

*** Chỉ tiêu kinh tế**

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 7,3-7,5% so với năm 2018 (theo giá 2010).
2. Cơ cấu kinh tế: tỷ lệ nông lâm thủy sản chiếm 25%, công nghiệp xây dựng chiếm 39%, dịch vụ chiếm 36%.
3. GRDP bình quân đầu người: 62,2 triệu đồng, tăng 7,3% so với năm 2018.
4. Kim ngạch xuất khẩu: 2 tỷ 370 triệu USD, tăng 5,8% so với năm 2018.
5. Kim ngạch nhập khẩu: 1 tỷ 450 triệu USD, tăng 2,47% so với năm 2018.
6. Thu ngân sách là 7.500 tỷ đồng, bằng 98% so với năm 2018.
7. Tổng chi ngân sách 10.193 tỷ đồng, tăng 4,8% so với năm 2018.

8. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 35 dự án với tổng vốn đăng ký 210 triệu USD, thu hút đầu tư trong nước 180 dự án với tổng số vốn đăng ký là 5.000 tỷ đồng.

9. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 1.200 doanh nghiệp, tăng 20% so với năm 2018.

10. Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới trong năm là 28 hợp tác xã, tăng 12% so với năm 2018.

*** Chỉ tiêu xã hội, môi trường**

11. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều), giảm 0,5% so với năm 2018.

12. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị <3,2%.

13. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm: 35.000 lao động, tăng 2,94% so với năm 2018.

14. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 56%.

15. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 32,3%.

16. Số giường bệnh trên vạn dân đạt 28,5 giường.

17. Số bác sỹ trên vạn dân đạt 8 bác sỹ.

18. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 13,3%.

19. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 86,2%.

20. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm là 13 xã (tăng 4 xã so với năm 2018).

21. Tỷ lệ dân số sử dụng điện đạt 98,8%.

22. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97%.

23. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90% (9/10 khu công nghiệp).

24. Tỷ lệ che phủ rừng (chung) là 72,6%.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Về phát triển kinh tế

- Tiến hành điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo Luật Quy hoạch; tập trung chuyên đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước đến năm 2020 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy; thực hiện tốt các chính sách về đất đai, tín dụng ưu đãi thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp; tập trung đầu tư cho cây điều, cây tiêu, cây cao su; xây dựng các thương hiệu sản phẩm nông nghiệp chế biến;

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lại công nghiệp, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển công nghiệp. Ban hành chính sách mời gọi nhà đầu tư thành lập từ 01 - 02 cụm công nghiệp; phấn đấu nâng cao tỷ lệ lấp đầy ở các khu công nghiệp; phát triển các dự án điện năng lượng mặt trời;

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, duy trì thị trường xuất khẩu truyền thống, đồng thời tăng cường tìm kiếm thị trường mới,

tiềm năng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu có trọng tâm và giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các Trung tâm thương mại Đồng Xoài, Phước Long và Chơn Thành;

- Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm như: Becamex Bình Phước, đường Đồng Phú - Bình Dương, đường ĐT 741, dự án Khu du lịch sinh thái tâm linh Bà Rá và dịch vụ trị bệnh cho nhân dân, Khu du lịch sinh thái kết hợp phim trường trắng cổ Bù Lạch; tập trung vốn từ ngân sách nhà nước cho các công trình tạo động lực, có sức lan tỏa để phát triển kinh tế như: hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, các tuyến giao thông liên vùng, dự án nâng cấp bệnh viện tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh; thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản, cụ thể để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân đảm bảo theo kế hoạch được giao; chuẩn bị đầu tư cho huyện Chơn Thành lên thị xã vào cuối nhiệm kỳ 2015-2020; đầu tư hạ tầng kết nối giao thông với tỉnh Bình Dương và Đồng Nai; đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị;

- Tập trung huy động đầy đủ, kịp thời mọi nguồn thu trên địa bàn tỉnh để đảm bảo các nhu cầu chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương. Khai thác tốt nguồn thu mới như: thu từ các hoạt động du lịch; thu từ các hoạt động kinh doanh xăng dầu; thu từ nông nghiệp công nghệ cao theo chuỗi giá trị; thu từ cảng khô, dịch vụ logistics bao gồm chuỗi các dịch vụ ở cửa khẩu Hoa Lư; thu từ hoạt động xổ số điện toán; nguồn thu từ xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - du lịch;

- Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ, kế hoạch hành động thực hiện chương trình hành động quốc gia về sản xuất tiêu dùng bền vững đến năm 2020; kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; kế hoạch xúc tiến đầu tư năm 2019. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư và chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các hội, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp theo định kỳ;

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu.

3.2. Về phát triển văn hóa - xã hội và chính sách dân tộc.

- Tiếp cận phương pháp giáo dục, đào tạo nghề đáp ứng các xu thế công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục cao đẳng, nhất là các trường ngoài công lập. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo;

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tiếp tục phát triển y học cổ truyền, y tế ngoài công lập, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế;

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; phát triển hệ thống an sinh xã hội; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Tăng cường các giải pháp hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ bị thu hồi đất nhưng chưa được nhà nước hỗ trợ để họ sớm có cuộc sống ổn định; rà soát lại việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đã đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số để giải quyết và xử lý các vấn đề còn tồn tại nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các chính sách dân tộc;

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; nâng cao mức hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hóa của người dân, nhất là người dân ở nông thôn. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa; phát triển du lịch tâm linh và lịch sử. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm. Thực hiện có hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và chiến lược phát triển thanh niên. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ chăm sóc trẻ em, bảo đảm cho trẻ em trong tỉnh được phát triển toàn diện và bảo vệ, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và nhân rộng các hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc.

3.3. Về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết xử lý các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Xây dựng hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3.4. Về cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công

chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 999 của Tỉnh ủy; xây dựng chính quyền điện tử; xây dựng đô thị thông minh từng phần;

- Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực như quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư xây dựng, sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành "điểm nóng", gây mất an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.5. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và giữ vững ổn định trên tuyến biên giới. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành, công khai các tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn tỉnh. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh phòng chống với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tập trung rà soát công tác bảo đảm phòng cháy, chữa cháy, nhất là cơ sở sản xuất, hộ gia đình; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân và kiểm giảm tai nạn giao thông.

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *thh*



Trần Tuệ Hiền